

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA PHÒNG QUẢN LÝ THƯƠNG MẠI

1. Thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến

1.1. Trình tự thực hiện

1. Việc nộp và nhận kết quả hồ sơ thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến được thực hiện trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử có trách nhiệm theo dõi địa chỉ thư điện tử và tài khoản đã đăng ký với Cổng dịch vụ công quốc gia để cập nhật trạng thái hồ sơ và sửa đổi, bổ sung thông tin theo yêu cầu.

3. Quy trình thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến thực hiện theo 02 bước sau đây:

Bước 1. Đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia, thực hiện khai báo thông tin theo mẫu và đính kèm tài liệu (nếu có) theo quy định.

Bước 2. Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ khi nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chủ quản nền tảng nhận phản hồi về một trong các nội dung sau đây:

- Xác nhận hồ sơ thông báo; thông tin nền tảng được công khai tại Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận thông báo trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử. Chủ quản nền tảng nhận được biểu tượng xác nhận điện tử đã thông báo để gắn trên nền tảng đó; khi chọn biểu tượng này, người sử dụng được dẫn về thông tin công bố tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

- Yêu cầu làm rõ thông tin hồ sơ thông báo. Chủ quản nền tảng thực hiện lại Bước 1. Trong vòng 60 ngày kể từ thời điểm lần đầu nhận được yêu cầu làm rõ thông tin hồ sơ thông báo, nếu chủ quản nền tảng không có phản hồi hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hồ sơ sẽ bị chấm dứt tự động.

- Từ chối hồ sơ khai báo và nêu rõ lý do. Chủ quản nền tảng thực hiện lại Bước 1.

1.2. Cách thức thực hiện

Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

** Thành phần hồ sơ*

Hồ sơ thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến bao gồm:

a) Tờ khai thông tin theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II của Nghị định số 248/2026/NĐ-CP;

b) Bản chụp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc các văn bản tương tự khác khi kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Trường hợp các giấy tờ, tài liệu nêu trên đã có dữ liệu điện tử bảo đảm giá trị pháp lý và có thể khai thác thông qua kết nối, chia sẻ giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin dùng chung, Cổng dịch vụ công quốc gia thì không phải cung cấp lại.

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

1.4. Thời hạn giải quyết

1,5 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Thông tin nền tảng được công khai tại Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận thông báo trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử. Chủ quản nền tảng nhận được biểu tượng xác nhận điện tử đã thông báo để gắn trên nền tảng đó.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không thu phí.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Tờ khai thông tin theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II của Nghị định số 248/2026/NĐ-CP.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

Không có.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị định số 248/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thương mại điện tử.

Mẫu số 01. Tờ khai thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến

**TỜ KHAI THÔNG BÁO
NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KINH DOANH TRỰC TIẾP
CÓ CHỨC NĂNG ĐẶT HÀNG TRỰC TUYẾN**

Phần 1. Thông tin chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến

1. Thông tin chủ quản nền tảng thương mại điện tử:

- Tên chủ quản nền tảng
- Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp) hoặc Quyết định thành lập (đối với tổ chức) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Email tiếp nhận thông tin:

2. Thông tin người đại diện pháp luật và người chịu trách nhiệm quản lý và vận hành nền tảng:

STT	Nội dung	Người đại diện pháp luật	Người chịu trách nhiệm quản lý và vận hành nền tảng
1	Họ và tên		
2	Chức danh		
3	Số CCCD/số hộ chiếu		
4	Địa chỉ		
5	Số điện thoại		
6	Email		

Phần 2. Thủ tục hành chính cần thực hiện

☐ Thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến. *(tiếp tục khai báo phần 3)*

☐ Sửa đổi, bổ sung thông tin đã thông báo về hoạt động nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến. *(tiếp tục khai báo phần 3)*

☐ Chấm dứt thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến. *(tiếp tục khai báo phần 4)*

Phần 3. Thông tin nền tảng

1. Tên miền của website hoặc tên ứng dụng thương mại điện tử:

a) Đối với website

- Địa chỉ website:
- Chủ sở hữu tên miền:
- Logo:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ Hosting.

b) Đối với ứng dụng

STT	Tên ứng dụng	Hệ điều hành	Địa chỉ lưu trữ hoặc tải ứng dụng	Logo
1		IOS		
2		Android		
3		Khác		

2. Loại hàng hóa hoặc dịch vụ được giao dịch trên nền tảng

3. Ngôn ngữ

4. Chính sách bảo mật

5. Phương thức tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại

6. Chính sách về giá

7. Chính sách về thanh toán

8. Các điều kiện hoặc hạn chế trong việc cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ trên nền tảng (nếu có)

9. Chính sách giao hàng, đổi trả và hoàn tiền (áp dụng cho hàng hóa) hoặc phương thức cung cấp dịch vụ, chính sách chấm dứt dịch vụ và hoàn tiền (áp dụng cho dịch vụ)

10. Nội dung khác (nếu có)

Phần 4. Lý do chấm dứt

Phần 5. Cam kết

(Tên tổ chức) cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về thương mại điện tử và pháp luật có liên quan./.

2. Sửa đổi, bổ sung thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến

2.1. Trình tự thực hiện

1. Việc nộp và nhận kết quả hồ sơ thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến được thực hiện trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử có trách nhiệm theo dõi địa chỉ thư điện tử và tài khoản đã đăng ký với Cổng dịch vụ công quốc gia để cập nhật trạng thái hồ sơ và sửa đổi, bổ sung thông tin theo yêu cầu.

3. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến phải thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung thông báo trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi một trong những thông tin sau đây:

- a) Thay đổi tên nền tảng (tên miền website, tên ứng dụng);
- b) Thay đổi người chịu trách nhiệm quản lý và vận hành nền tảng;
- c) Thay đổi thông tin Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp) hoặc Quyết định thành lập (đối với tổ chức) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;
- d) Thay đổi nội dung công khai về điều kiện hoạt động, điều kiện giao dịch trên nền tảng.

4. Quy trình sửa đổi, bổ sung thông báo thực hiện trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia theo 02 bước sau đây:

Bước 1. Đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia, thực hiện khai báo sửa đổi, bổ sung thông tin theo mẫu và đính kèm tài liệu (nếu có) theo quy định.

Bước 2. Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ khi nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chủ quản nền tảng nhận phản hồi về một trong các nội dung sau đây:

- Xác nhận hồ sơ thông báo; thông tin nền tảng được công khai tại Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận thông báo trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.
- Yêu cầu làm rõ thông tin hồ sơ sửa đổi, bổ sung. Chủ quản nền tảng thực hiện lại Bước 1.
- Chấm dứt hồ sơ và nêu rõ lý do. Thông tin nền tảng bị rút khỏi Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận thông báo trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.

2.2. Cách thức thực hiện

Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

** Thành phần hồ sơ*

Hồ sơ sửa đổi, bổ sung thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến bao gồm:

a) Tờ khai thông tin theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II của Nghị định số 248/2026/NĐ-CP;

b) Tài liệu, văn bản chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

2.4. Thời hạn giải quyết

1,5 ngày làm việc.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Thông tin nền tảng được công khai tại Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận thông báo trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không thu phí.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Tờ khai thông tin theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II của Nghị định số 248/2026/NĐ-CP.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

Không có.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị định số 248/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thương mại điện tử.

Mẫu số 01. Tờ khai thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến

**TỜ KHAI THÔNG BÁO
NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KINH DOANH TRỰC TIẾP
CÓ CHỨC NĂNG ĐẶT HÀNG TRỰC TUYẾN**

Phần 1. Thông tin chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến

1. Thông tin chủ quản nền tảng thương mại điện tử:

- Tên chủ quản nền tảng
- Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp) hoặc Quyết định thành lập (đối với tổ chức) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Email tiếp nhận thông tin:

2. Thông tin người đại diện pháp luật và người chịu trách nhiệm quản lý và vận hành nền tảng:

STT	Nội dung	Người đại diện pháp luật	Người chịu trách nhiệm quản lý và vận hành nền tảng
1	Họ và tên		
2	Chức danh		
3	Số CCCD/số hộ chiếu		
4	Địa chỉ		
5	Số điện thoại		
6	Email		

Phần 2. Thủ tục hành chính cần thực hiện

☐ Thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến. (tiếp tục khai báo phần 3)

☐ Sửa đổi, bổ sung thông tin đã thông báo về hoạt động nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến. (tiếp tục khai báo phần 3)

☐ Chấm dứt thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến. (tiếp tục khai báo phần 4)

Phần 3. Thông tin nền tảng

1. Tên miền của website hoặc tên ứng dụng thương mại điện tử:

a) Đối với website

- Địa chỉ website:
- Chủ sở hữu tên miền:
- Logo:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ Hosting.

b) Đối với ứng dụng

STT	Tên ứng dụng	Hệ điều hành	Địa chỉ lưu trữ hoặc tải ứng dụng	Logo
1		IOS		
2		Android		
3		Khác		

2. Loại hàng hóa hoặc dịch vụ được giao dịch trên nền tảng

3. Ngôn ngữ

4. Chính sách bảo mật

5. Phương thức tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại

6. Chính sách về giá

7. Chính sách về thanh toán

8. Các điều kiện hoặc hạn chế trong việc cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ trên nền tảng (nếu có)

9. Chính sách giao hàng, đổi trả và hoàn tiền (áp dụng cho hàng hóa) hoặc phương thức cung cấp dịch vụ, chính sách chấm dứt dịch vụ và hoàn tiền (áp dụng cho dịch vụ)

10. Nội dung khác (nếu có)

Phần 4. Lý do chấm dứt

Phần 5. Cam kết

(Tên tổ chức) cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về thương mại điện tử và pháp luật có liên quan./.

3. Chấm dứt thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến

3.1. Trình tự thực hiện

1. Việc nộp và nhận kết quả hồ sơ thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến được thực hiện trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử có trách nhiệm theo dõi địa chỉ thư điện tử và tài khoản đã đăng ký với Cổng dịch vụ công quốc gia để cập nhật trạng thái hồ sơ và sửa đổi, bổ sung thông tin theo yêu cầu.

3. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến thực hiện thủ tục chấm dứt thông báo trong các trường hợp sau đây:

- a) Theo đề nghị của chủ quản nền tảng thương mại điện tử;
- b) Nền tảng thương mại điện tử ngừng hoạt động hoặc chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thay đổi mã số thuế của chủ quản nền tảng thương mại điện tử.

4. Quy trình chấm dứt thông báo thực hiện trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia theo quy trình 02 bước sau đây:

Bước 1. Đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia, thực hiện khai báo chấm dứt thông tin theo mẫu và đính kèm tài liệu (nếu có) theo quy định.

Bước 2. Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc, chủ quản nền tảng nhận phản hồi về nội dung xác nhận việc chấm dứt thông báo. Thông tin hồ sơ bị rút khỏi Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận thông báo trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.

3.2. Cách thức thực hiện

Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

** Thành phần hồ sơ*

Hồ sơ chấm dứt thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến bao gồm:

a) Tờ khai thông tin theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II của Nghị định số 248/2026/NĐ-CP;

b) Tài liệu, văn bản chứng minh lý do chấm dứt (nếu có).

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

3.4. Thời hạn giải quyết

1,5 ngày làm việc.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Thông tin hồ sơ bị rút khỏi Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận thông báo trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.

3.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không thu phí.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Tờ khai thông tin theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II của Nghị định số 248/2026/NĐ-CP.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

Không có.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị định số 248/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thương mại điện tử;

Mẫu số 01. Tờ khai thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến

**TỜ KHAI THÔNG BÁO
NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KINH DOANH TRỰC TIẾP
CÓ CHỨC NĂNG ĐẶT HÀNG TRỰC TUYẾN**

Phần 1. Thông tin chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến

1. Thông tin chủ quản nền tảng thương mại điện tử:

- Tên chủ quản nền tảng
- Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp) hoặc Quyết định thành lập (đối với tổ chức) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Email tiếp nhận thông tin:

2. Thông tin người đại diện pháp luật và người chịu trách nhiệm quản lý và vận hành nền tảng:

STT	Nội dung	Người đại diện pháp luật	Người chịu trách nhiệm quản lý và vận hành nền tảng
1	Họ và tên		
2	Chức danh		
3	Số CCCD/số hộ chiếu		
4	Địa chỉ		
5	Số điện thoại		
6	Email		

Phần 2. Thủ tục hành chính cần thực hiện

☐ Thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến. *(tiếp tục khai báo phần 3)*

☐ Sửa đổi, bổ sung thông tin đã thông báo về hoạt động nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến. *(tiếp tục khai báo phần 3)*

☐ Chấm dứt thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến. *(tiếp tục khai báo phần 4)*

Phần 3. Thông tin nền tảng

1. Tên miền của website hoặc tên ứng dụng thương mại điện tử:

a) Đối với website

- Địa chỉ website:

- Chủ sở hữu tên miền:

- Logo:

- Đơn vị cung cấp dịch vụ Hosting.

b) Đối với ứng dụng

STT	Tên ứng dụng	Hệ điều hành	Địa chỉ lưu trữ hoặc tải ứng dụng	Logo
1		IOS		
2		Android		
3		Khác		

2. Loại hàng hóa hoặc dịch vụ được giao dịch trên nền tảng

3. Ngôn ngữ

4. Chính sách bảo mật

5. Phương thức tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại

6. Chính sách về giá

7. Chính sách về thanh toán

8. Các điều kiện hoặc hạn chế trong việc cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ trên nền tảng (nếu có)

9. Chính sách giao hàng, đổi trả và hoàn tiền (áp dụng cho hàng hóa) hoặc phương thức cung cấp dịch vụ, chính sách chấm dứt dịch vụ và hoàn tiền (áp dụng cho dịch vụ)

10. Nội dung khác (nếu có)

Phần 4. Lý do chấm dứt

Phần 5. Cam kết

(Tên tổ chức) cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về thương mại điện tử và pháp luật có liên quan./.

4. Cấp phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

4.1. Trình tự thực hiện

1. Việc nộp và nhận kết quả hồ sơ cấp phép, sửa đổi, bổ sung giấy phép, thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại được thực hiện trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ có trách nhiệm theo dõi địa chỉ thư điện tử và tài khoản đã đăng ký với Cổng dịch vụ công quốc gia để cập nhật trạng thái hồ sơ và sửa đổi, bổ sung thông tin theo yêu cầu.

3. Quy trình cấp phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại theo 02 bước sau đây:

Bước 1. Đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia, thực hiện khai báo thông tin theo mẫu và đính kèm hồ sơ theo quy định.

Bước 2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, tổ chức nhận thông tin phản hồi về một trong các nội dung sau đây:

- Hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép theo Mẫu số 07 tại Phụ lục II của Nghị định số 248/2026/NĐ-CP. Thông tin tổ chức được công khai tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia. Các tổ chức nhận được biểu tượng xác nhận điện tử đã cấp phép để gắn trên nền tảng số đó. Khi chọn biểu tượng này, người sử dụng được dẫn về thông tin công bố tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

- Yêu cầu làm rõ thông tin hồ sơ cấp phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại thực hiện lại Bước 1.

- Từ chối hồ sơ đề nghị cấp phép và nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện

Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

** Thành phần hồ sơ*

Hồ sơ cấp phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại:

a) Tờ khai thông tin theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II của Nghị định số 248/2026/NĐ-CP;

b) Bản chụp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc các văn bản tương tự khác chứng minh đáp ứng các điều

kiện kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại (nếu có);

Trường hợp các giấy tờ, tài liệu nêu trên đã có dữ liệu điện tử bảo đảm giá trị pháp lý và có thể khai thác thông qua kết nối, chia sẻ giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin dùng chung, Cổng dịch vụ công quốc gia thì không phải cung cấp lại;

c) Đề án cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại theo nội dung quy định tại Điều 44 của Nghị định số 248/2026/NĐ-CP; Mẫu Đề án theo Mẫu số 06 tại Phụ lục II của Nghị định số 248/2026/NĐ-CP.

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

4.4. Thời hạn giải quyết

15 ngày.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại theo Mẫu số 07 tại Phụ lục II của Nghị định số 248/2026/NĐ-CP.

- Thông tin tổ chức cung cấp dịch vụ được công khai tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia. Các tổ chức nhận được biểu tượng xác nhận điện tử đã cấp phép để gắn trên nền tảng số đó. Khi chọn biểu tượng này, người sử dụng được dẫn về thông tin công bố tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

4.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không thu phí.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Tờ khai thông tin theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II của Nghị định số 248/2026/NĐ-CP.
- Mẫu Đề án theo Mẫu số 06 tại Phụ lục II của Nghị định số 248/2026/NĐ-CP.
- Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại theo Mẫu số 07 tại Phụ lục II của Nghị định số 248/2026/NĐ-CP.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

Tổ chức được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại khi đáp ứng điều kiện sau:

- Có Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy có loại dịch vụ được phép kinh doanh

là cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu theo pháp luật về giao dịch điện tử;

- Có Đề án cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại theo quy định tại Điều 44 của Nghị định số 248/2026/NĐ-CP.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị định số 248/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thương mại điện tử;

Mẫu số 03. Tờ khai thông tin cấp phép, sửa đổi, bổ sung giấy phép, đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

TỜ KHAI THÔNG TIN CẤP PHÉP, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP, ĐỀ NGHỊ THU HỒI GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ TRONG THƯƠNG MẠI

Phần 1. Thông tin tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

- Tên tổ chức:
- Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp) hoặc Quyết định thành lập (đối với tổ chức) hoặc giấy tờ tương tự khác.
- Mã số thuế:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Email tiếp nhận thông tin:
- Số điện thoại:

STT	Nội dung	Người đại diện pháp luật	Người liên hệ
1	Họ và tên		
2	Chức danh		
3	Số CCCD/số hộ chiếu		
4	Địa chỉ		
5	Số điện thoại		
6	Email		

Phần 2. Thủ tục hành chính cần thực hiện

- ☐ Cấp phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại.
(tiếp tục khai báo phần 3)
- ☐ Sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại. (tiếp tục khai báo phần 3)
- ☐ Đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại (tiếp tục khai báo phần 4)

Phần 3. Thông tin nền tảng

1. Tên miền của website hoặc tên ứng dụng:

a) Đối với website:

- Địa chỉ website:

- Chủ sở hữu tên miền.

b) Đối với ứng dụng:

STT	Tên ứng dụng	Hệ điều hành	Địa chỉ lưu trữ hoặc tải ứng dụng	Biểu tượng
1		IOS		
2		Android		
3		Khác		

2. Đơn vị cung cấp dịch vụ Hosting

3. Lĩnh vực cung cấp dịch vụ khác (nếu có)

4. Ngôn ngữ

5. Số nhân viên quản lý, giám sát các hoạt động

Phần 4. Lý do dừng cung cấp dịch vụ

Phần 5. Cam kết

(Tên tổ chức) cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về thương mại điện tử và pháp luật có liên quan.

Mẫu số 06. Mẫu đề án cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

**MẪU ĐỀ ÁN CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC
HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ TRONG THƯƠNG MẠI**

I. GIỚI THIỆU TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ TRONG THƯƠNG MẠI

1. Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại:

1.1. Tên đăng ký, tên giao dịch, tên và chức danh người đại diện tổ chức, Tên và chức danh người chịu trách nhiệm quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

1.2. Cơ cấu tổ chức

1.3. Ngành nghề kinh doanh

1.4. Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy hoặc tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện theo quy định

2. Kinh nghiệm, năng lực phù hợp với hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

2.1. Tóm tắt quá trình và kết quả kinh doanh từ khi thành lập công ty đến nay

2.2. Tóm tắt về năng lực tài chính

2.3. Các sản phẩm/dịch vụ đang cung cấp

3. Tổ chức nhân sự thực hiện cung cấp dịch vụ

3.1. Bộ phận quản trị vận hành kỹ thuật

3.2. Bộ phận quản lý hệ thống phần cứng, phần mềm

3.3. Bộ phận trực tiếp vận hành dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

3.4. Bộ phận chăm sóc khách hàng

II. MÔ TẢ PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ TRONG THƯƠNG MẠI

1. Mô tả phương án lưu trữ và bảo đảm tính toàn vẹn dữ liệu của hợp đồng điện tử đã được chứng thực.

2. Mô tả phương án lưu trữ, bảo quản dữ liệu hợp đồng điện tử đã được chứng thực, thời hạn lưu trữ, khả năng tra cứu, cung cấp bản sao hoặc chứng cứ điện tử phục vụ giải quyết tranh chấp.

3. Mô tả quy trình tiếp nhận, xử lý yêu cầu, phản ánh, khiếu nại của tổ chức, cá nhân; quy trình xử lý sự cố kỹ thuật, vi phạm an toàn thông tin và cơ chế phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

III. QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ TRONG THƯƠNG MẠI

1. Giới thiệu chung
2. Chức năng, tính năng chính của hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ
3. Quy trình xác thực, chứng thực, lưu trữ, tra cứu thông tin hợp đồng điện tử đã được chứng thực
4. Quy định, chính sách về an toàn thông tin, quản lý thông tin trong hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại
5. Cơ chế giải quyết yêu cầu, phản ánh, khiếu nại giữa các bên liên quan
6. Biện pháp rà soát và chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm
7. Biện pháp cung cấp thông tin về người sử dụng dịch vụ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền
8. Quyền và trách nhiệm các bên (*tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại; đơn vị tham gia sử dụng dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử*)
9. Điều khoản áp dụng
10. Liên hệ

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản (nếu có);
- Lưu:

**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HỢP PHÁP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Mẫu số 07. Mẫu giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

CƠ QUAN CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ
CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ TRONG THƯƠNG MẠI**

Căn cứ Luật Thương mại điện tử số 122/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thương mại điện tử;

Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/gia hạn/thay đổi nội dung Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại ngày... tháng... năm... của ... (1);

Theo đề nghị của ... (2).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép... (1), có trụ sở tại ..., có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...; Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... có giá trị đến hết ngày... tháng... năm...; được kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại với những nội dung cụ thể sau đây:

1. Tên giao dịch: ... (1)

2. Loại dịch vụ được cấp phép kinh doanh:

Cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

Thời hạn cung cấp dịch vụ đến hết ngày... tháng ... năm ...

3. Phạm vi cung cấp dịch vụ:

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại (1) được thực hiện các hoạt động theo quy định của Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thương mại điện tử.

Điều 2. ... (1) phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Thương mại điện tử, Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về ... các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại này có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị đến hết ngày... tháng... năm...; thay thế Giấy phép số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...(3)

Nơi nhận:

- Tên tổ chức được cấp giấy phép;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

(Ký tên, đóng dấu)

5. Sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

5.1. Trình tự thực hiện

1. Việc nộp và nhận kết quả hồ sơ cấp phép, sửa đổi, bổ sung giấy phép, thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại được thực hiện trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ có trách nhiệm theo dõi địa chỉ thư điện tử và tài khoản đã đăng ký với Cổng dịch vụ công quốc gia để cập nhật trạng thái hồ sơ và sửa đổi, bổ sung thông tin theo yêu cầu.

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi một trong những thông tin sau đây: người chịu trách nhiệm quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ; thông tin Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp) hoặc Quyết định thành lập (đối với tổ chức); nội dung công khai về quy chế chứng thực; nội dung đề án cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại.

4. Quy trình sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại thực hiện theo 02 bước sau đây:

Bước 1. Đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia, thực hiện sửa đổi, bổ sung giấy phép theo mẫu và đính kèm tài liệu (nếu có) theo quy định.

Bước 2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, tổ chức nhận phản hồi về một trong các nội dung sau đây:

- Hồ sơ đủ điều kiện cấp phép, cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 07 tại Phụ lục II của Nghị định số 248/2026/NĐ-CP, thời hạn của giấy phép thay đổi là thời hạn còn lại của giấy phép đã được cấp. Thông tin tổ chức cung cấp dịch vụ được công khai tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia. Tổ chức nhận biểu tượng xác nhận điện tử đã cấp phép để gắn trên nền tảng số đó. Khi chọn biểu tượng này, người sử dụng được dẫn về thông tin công bố tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

- Yêu cầu làm rõ thông tin hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại thực hiện lại Bước 1 của Mục này.

5.2. Cách thức thực hiện

Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

** Thành phần hồ sơ*

Hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy phép bao gồm:

a) Tờ khai thông tin theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II của Nghị định số 248/2026/NĐ-CP;

b) Tài liệu chứng minh lý do sửa đổi, bổ sung giấy phép (đối với trường hợp thay đổi các nội dung đã được cấp phép).

Trường hợp các giấy tờ, tài liệu nêu trên đã có dữ liệu điện tử bảo đảm giá trị pháp lý và có thể khai thác thông qua kết nối, chia sẻ giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin dùng chung, Cổng dịch vụ công quốc gia thì không phải cung cấp lại.

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

5.4. Thời hạn giải quyết

15 ngày.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại sửa đổi, bổ sung, thời hạn của giấy phép thay đổi là thời hạn còn lại của giấy phép đã được cấp.

Thông tin tổ chức cung cấp dịch vụ được công khai tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia. Tổ chức nhận biểu tượng xác nhận điện tử đã cấp phép để gắn trên nền tảng số đó.

5.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không thu phí.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Tờ khai thông tin theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm Nghị định số 248/2026/NĐ-CP.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

Không có.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 248/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thương mại điện tử;

Mẫu số 03. Tờ khai thông tin cấp phép, sửa đổi, bổ sung giấy phép, đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

TỜ KHAI THÔNG TIN CẤP PHÉP, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP, ĐỀ NGHỊ THU HỒI GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ TRONG THƯƠNG MẠI

Phần 1. Thông tin tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

- Tên tổ chức:
- Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp) hoặc Quyết định thành lập (đối với tổ chức) hoặc giấy tờ tương tự khác.
- Mã số thuế:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Email tiếp nhận thông tin:
- Số điện thoại:

STT	Nội dung	Người đại diện pháp luật	Người liên hệ
1	Họ và tên		
2	Chức danh		
3	Số CCCD/số hộ chiếu		
4	Địa chỉ		
5	Số điện thoại		
6	Email		

Phần 2. Thủ tục hành chính cần thực hiện

- ☐ Cấp phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại. (tiếp tục khai báo phần 3)
- ☐ Sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại. (tiếp tục khai báo phần 3)
- ☐ Đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại (tiếp tục khai báo phần 4)

Phần 3. Thông tin nền tảng

1. Tên miền của website hoặc tên ứng dụng:

a) Đối với website:

- Địa chỉ website:

- Chủ sở hữu tên miền.

b) Đối với ứng dụng:

STT	Tên ứng dụng	Hệ điều hành	Địa chỉ lưu trữ hoặc tải ứng dụng	Biểu tượng
1		IOS		
2		Android		
3		Khác		

2. Đơn vị cung cấp dịch vụ Hosting

3. Lĩnh vực cung cấp dịch vụ khác (nếu có)

4. Ngôn ngữ

5. Số nhân viên quản lý, giám sát các hoạt động

Phần 4. Lý do dừng cung cấp dịch vụ

Phần 5. Cam kết

(Tên tổ chức) cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về thương mại điện tử và pháp luật có liên quan.

6. Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

6.1. Trình tự thực hiện

1. Việc nộp và nhận kết quả hồ sơ cấp phép, sửa đổi, bổ sung giấy phép, thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại được thực hiện trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ có trách nhiệm theo dõi địa chỉ thư điện tử và tài khoản đã đăng ký với Cổng dịch vụ công quốc gia để cập nhật trạng thái hồ sơ và sửa đổi, bổ sung thông tin theo yêu cầu.

3. Quy trình đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại thực hiện theo quy trình 02 bước sau đây:

Bước 1: Đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia, thực hiện đề nghị thu hồi giấy phép đã cấp theo mẫu và đính kèm tài liệu (nếu có) theo quy định.

Bước 2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép ban hành văn bản thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại. Thông tin tổ chức bị thu hồi giấy phép được công khai tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.

6.2. Cách thức thực hiện

Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

* *Thành phần hồ sơ*

Hồ sơ đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại bao gồm:

a) Tờ khai thông tin theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II của Nghị định số 248/2026/NĐ-CP;

b) Tài liệu (nếu có).

* *Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

6.4. Thời hạn giải quyết

15 ngày.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại có đề nghị dừng cung cấp dịch vụ.

6.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Văn bản thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại.

- Thông tin tổ chức cung cấp dịch vụ bị thu hồi giấy phép được công khai tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.

6.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không thu phí.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Tờ khai thông tin theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II của Nghị định số 248/2026/NĐ-CP;

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại dừng cung cấp dịch vụ và có hồ sơ đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại từ tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực trong thương mại theo quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại có thực hiện hành vi vi phạm pháp luật mà phải chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị định số 248/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thương mại điện tử.

Mẫu số 03. Tờ khai thông tin cấp phép, sửa đổi, bổ sung giấy phép, đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

TỜ KHAI THÔNG TIN CẤP PHÉP, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP, ĐỀ NGHỊ THU HỒI GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ TRONG THƯƠNG MẠI

Phần 1. Thông tin tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

- Tên tổ chức:
- Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp) hoặc Quyết định thành lập (đối với tổ chức) hoặc giấy tờ tương tự khác.
- Mã số thuế:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Email tiếp nhận thông tin:
- Số điện thoại:

STT	Nội dung	Người đại diện pháp luật	Người liên hệ
1	Họ và tên		
2	Chức danh		
3	Số CCCD/số hộ chiếu		
4	Địa chỉ		
5	Số điện thoại		
6	Email		

Phần 2. Thủ tục hành chính cần thực hiện

- ☐ Cấp phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại.
(tiếp tục khai báo phần 3)
- ☐ Sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại. (tiếp tục khai báo phần 3)
- ☐ Đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại (tiếp tục khai báo phần 4)

Phần 3. Thông tin nền tảng

1. Tên miền của website hoặc tên ứng dụng:

a) Đối với website:

- Địa chỉ website:

- Chủ sở hữu tên miền.

b) Đối với ứng dụng:

STT	Tên ứng dụng	Hệ điều hành	Địa chỉ lưu trữ hoặc tải ứng dụng	Biểu tượng
1		IOS		
2		Android		
3		Khác		

2. Đơn vị cung cấp dịch vụ Hosting

3. Lĩnh vực cung cấp dịch vụ khác (nếu có)

4. Ngôn ngữ

5. Số nhân viên quản lý, giám sát các hoạt động

Phần 4. Lý do dừng cung cấp dịch vụ

Phần 5. Cam kết

(Tên tổ chức) cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về thương mại điện tử và pháp luật có liên quan./.